

Số: 446/QĐ-TDTTBN

Bắc Ninh, ngày 16 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định biên soạn, rà soát, điều chỉnh, bổ sung, quản lý
và sử dụng ngân hàng câu hỏi, đề thi kết thúc học phần tại
Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

Căn cứ quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 3655/QĐ-BVHTTDL, ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh;

Căn cứ Quyết định số 1219/QĐ-TDTTBN ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh về việc Ban hành Quy định dạy và học cho sinh viên đại học chính quy, sinh viên vừa làm vừa học;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục.

QUYẾT ĐỊNH:

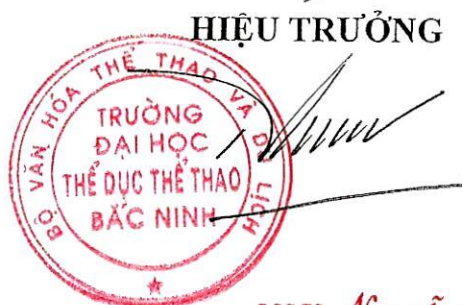
Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về việc biên soạn, rà soát, điều chỉnh, bổ sung, quản lý và sử dụng ngân hàng câu hỏi thi, đề thi kết thúc học phần của Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh”.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các văn bản trước đây trái với quy định này đều bãi bỏ.

Điều 3: Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Ks*

Nơi nhận:

- BGH, CT HĐT (báo cáo);
- Như điều 3;
- Website Trường;
- Lưu VT, KT&ĐBCLGD (8).



PGS.TS. *Nguyễn Văn Phúc*

QUY ĐỊNH

Biên soạn, rà soát, điều chỉnh, bổ sung, quản lý và sử dụng ngân hàng câu hỏi thi, đề thi kết thúc học phần của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh
(Kèm theo Quyết định số 416/QĐ-ĐHTDTTBN, ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học TDTT Bắc Ninh)

Chương 1 **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về việc biên soạn, rà soát, điều chỉnh, bổ sung, quản lý và sử dụng ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án thi kết thúc học phần đối với các hệ đào tạo của Trường Đại học Thể dục Thể thao (TDTT) Bắc Ninh.

2. Quy định này áp dụng đối với tất cả các đơn vị, cá nhân tham gia hoạt động đào tạo tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Ngân hàng câu hỏi thi/đề thi: là tập hợp câu hỏi thi/đề thi của một hay nhiều môn thi. Ngân hàng câu hỏi thi/đề thi đảm bảo có đủ số lượng câu hỏi thi/đề thi để có thể lựa chọn ngẫu nhiên thành đề thi/bộ đề thi phục vụ công tác tổ chức thi kết thúc học phần môn học.

2. Đề thi trắc nghiệm khách quan: là đề thi có câu hỏi trắc nghiệm mà người học chỉ cần lựa chọn phương án đúng/sai/tích hợp/điền nội dung, không cần giải thích.

3. Đề thi trắc nghiệm tự luận: là đề thi có 2 phần: phần câu hỏi trắc nghiệm và phần câu hỏi tự luận. Đề thi trắc nghiệm kết hợp tự luận có thời gian làm bài giống đề thi tự luận.

Điều 3. Mục đích, yêu cầu

1. Nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới công tác thi, kiểm tra, đánh giá, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường.

2. Đảm bảo việc tổ chức dạy, học, thi, kiểm tra, đánh giá theo đúng Quy chế đào tạo; nội dung đề cương chi tiết học phần và đáp ứng chuẩn đầu ra học phần.

chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo.

3. Việc biên soạn, rà soát, điều chỉnh, bổ sung, quản lý và sử dụng ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án phải đảm bảo khách quan, chính xác, công bằng trong đánh giá kết quả học tập của người học; đánh giá được năng lực của người học và phân loại hóa được người học.

Điều 4. Các hình thức ngân hàng câu hỏi thi/đề thi

1. Các hình thức ngân hàng câu hỏi thi/đề thi:

Tùy thuộc vào đặc thù và tính chất của từng học phần, các bộ môn, giảng viên có thể lựa chọn biên soạn, rà soát, điều chỉnh, bổ sung ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án cho các hình thức thi, như sau:

- a) Ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án cho hình thức thi tự luận;
- b) Ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án cho hình thức thi vấn đáp, thực hành;
- c) Ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án cho hình thức thi trắc nghiệm.

2. Mỗi học phần xây dựng một hệ thống ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án theo một hình thức thống nhất (bao gồm tiêu đề, mã học phần, đối tượng thi, thời gian, quy định về tài liệu, câu hỏi/đề thi, đáp án, thang điểm).

3. Hình thức thi đối với thi kết thúc học phần được quy định ở đề cương chi tiết học phần đã được duyệt của các khoa và phải được thông báo cho người học từ đầu năm học hay đầu học kỳ và được nhắc lại khi bắt đầu môn học.

Điều 5. Hình thức trình bày của ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án

1. Ngân hàng câu hỏi thi/đề thi phải được trình bày bằng Word trên khổ giấy A4, sử dụng bảng mã Unicode, font chữ Time New Roman, giãn dòng đều Justify, cỡ chữ 13 hoặc 14; lề trên 2cm, lề dưới 2cm, lề trái 3cm, lề phải 2cm. Tại điểm kết thúc của đề thi phải có chữ “Hết”; phải đánh số trang ở phía dưới mỗi trang câu hỏi thi/đề thi và đáp án theo dạng 1/3 hoặc 1/4 để thể hiện rõ văn bản có mấy trang.

2. Tên học phần/mã học phần ghi trong ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án phải hoàn toàn trùng khớp với tên học phần/mã học phần đã được quy định trong chương trình đào tạo các ngành đào tạo.

3. Trong file dữ liệu ngân hàng câu hỏi thi/đề thi phải có đáp án và thang điểm kèm theo. Đáp án và thang điểm chấm có thể trình bày theo cách kẻ bảng, tuy nhiên tránh làm xô lệch giữa các ý trong đáp án với thang điểm chấm nhằm hạn chế sai sót trong tổ hợp in sao đề thi.

4. Câu hỏi tự luận, vấn đáp trình bày theo mẫu tại (Mẫu_KT 01).

5. Câu hỏi trắc nghiệm trình bày theo mẫu (Mẫu_KT 02)

6. Câu hỏi thực hành trình bày theo mẫu (Mẫu_KT 03) 

7. Đề thi trình bày theo mẫu (Mẫu_KT 04)

CHƯƠNG II

XÂY DỰNG, RÀ SOÁT, ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG NGÂN HÀNG CÂU HỎI THI, ĐỀ THI

Điều 6. Quy định về câu hỏi thi trong ngân hàng câu hỏi thi/đề thi

1. Câu hỏi thi phải có nội dung phù hợp với mục tiêu, chuẩn đầu ra của học phần đã được phê duyệt trong đề cương chi tiết; đánh giá mức độ đạt được của người học về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của người học.

2. Các câu hỏi thi phải đảm bảo tính khoa học, chặt chẽ, chính xác; lời văn, câu chữ phải rõ ràng; thống nhất các ký hiệu, thuật ngữ theo quy định hiện hành.

3. Các câu hỏi thi phải đưa ra các yêu cầu cụ thể, với những cấp độ khác nhau, sử dụng từ khóa dựa trên thang đánh giá mức độ nhận thức Bloom:

a) Mức độ 1: Biết, nhớ và hiểu (kể nêu, liệt kê, vẽ, diễn giải, suy diễn, liên hệ, khái quát...)

b) Mức độ 2: Ứng dụng, vận dụng (áp dụng thông tin, khái niệm đã biết vào một tình huống, điều kiện mới để giúp giải quyết vấn đề...)

c) Mức độ 3: Phân tích (chia thông tin thành những phần nhỏ và chỉ ra mối liên hệ của chúng tới tổng thể...).

4. Câu hỏi/đề thi và đáp án phải được biên soạn trên cơ sở giáo trình và tài liệu mà sinh viên được giới thiệu, được đề cập đến trong đề cương chi tiết; được học trong chương trình đào tạo của Nhà trường; mỗi câu hỏi thi có thể bao gồm kiến thức của một hay nhiều phần kiến thức có liên quan đến nhau được sắp xếp thành từng ý theo mức độ tăng dần của cấp độ nhận thức. Các câu hỏi phải đảm bảo tính vừa sức, đảm bảo đủ thời gian để người học làm bài. Các câu hỏi thi không có nội dung trùng nhau.

5. Các câu hỏi thi có phần đáp án chi tiết và thang điểm đi kèm, trong đáp án trình bày đầy đủ nội dung trả lời câu hỏi theo yêu cầu, đáp án không được công bố tới sinh viên, chỉ sử dụng trong quá trình chấm thi và chấm phúc khảo. Việc xác định điểm cho câu hỏi thi phải phù hợp với việc tổ hợp câu hỏi thi thành đề thi theo thang điểm 10. Đáp án được biên soạn ngắn gọn, đủ ý, thuận lợi cho việc chấm thi.

6. Đối với câu hỏi thi theo hình thức trắc nghiệm, mỗi câu hỏi thi kèm theo 04 đáp án để lựa chọn (đối với các học phần tiếng Anh có thể sử dụng thêm câu hỏi “Đúng - Sai” trong đề thi), trong đó chỉ có 01 đáp án đúng.

Điều 7. Quy định về ngân hàng câu hỏi thi, đề thi, cấu trúc đề thi

1. Ngân hàng câu hỏi thi/đề thi của một học phần bao gồm: *File*

- a) Bảng ma trận câu hỏi thi;
 - b) Các câu hỏi thi/đề thi, đáp án và thang điểm tương ứng với câu hỏi thi/đề thi;
 - c) Các phương án tổ hợp câu hỏi thi thành đề thi (cấu trúc đề thi).
2. Ngân hàng câu hỏi thi/đề thi phải bao quát được toàn bộ nội dung kiến thức của học phần.
3. Cấu trúc của đề thi:
- a) Cấu trúc đề thi (số lượng câu hỏi trong đề thi) phải đánh giá tất cả các chuẩn đầu ra đã được công bố trong đề cương chi tiết, phù hợp với trình độ, năng lực của người học, đảm bảo về thời gian làm bài của người học;
 - b) Trọng số điểm giữa các câu hỏi hoặc nhóm câu hỏi trong đề thi phải tương thích, phù hợp với các chuẩn đầu ra.
4. Thang điểm:
- a) Đối với đề thi tự luận, vấn đáp, thực hành: Tổng điểm của đề thi là 10 điểm, đề thi phải xác định rõ điểm của từng câu hỏi.
 - b) Đối với đề thi trắc nghiệm: Điểm toàn bài được quy đổi về thang điểm 10, điểm quy đổi làm tròn đến một chữ số thập phân, đảm bảo điểm của mỗi câu bằng nhau và là ước số của 10.
5. Quy định về số lượng câu hỏi, số lượng đề thi trong ngân hàng câu hỏi thi/đề thi:
- a) Đối với thi tự luận:
 - Nếu biên soạn dưới dạng câu hỏi thi (để tổ hợp thành đề thi): số lượng câu hỏi thi tối thiểu từ 20 câu trở lên đối với học phần 02 tín chỉ và tối thiểu từ 30 câu trở lên đối với học phần từ 03 tín chỉ trở lên;
 - Nếu biên soạn theo dạng đề thi: số lượng đề thi tối thiểu từ 10 đề trở lên đối với học phần 02 tín chỉ và tối thiểu từ 15 đề trở lên đối với học phần từ 03 tín chỉ trở lên.
 - b) Đối với thi vấn đáp: số lượng câu hỏi thi tối thiểu từ 50 câu trở lên đối với học phần 02 tín chỉ và tối thiểu từ 70 câu trở lên đối với học phần từ 03 tín chỉ trở lên.
 - c) Đối với đề thi trắc nghiệm khách quan: số lượng câu hỏi thi của mỗi học phần tối thiểu từ 200 câu trở lên.
 - d) Đối với đề thi thực hành:
 - * Đối với thực hành trên máy tính: tối thiểu 10 câu hỏi/02 tín chỉ và tối thiểu 15 câu hỏi đối với học phần từ 03 tín chỉ trở lên.

* Đối với thực hành trên sân bãi, phòng thí nghiệm:

- Về kỹ thuật: tối thiểu từ 05 nội dung trở lên đối với học phần 02 tín chỉ và tối thiểu từ 07 nội dung trở lên đối với học phần từ 03 tín chỉ trở lên.

- Về thể lực: tối thiểu từ 07 nội dung trở lên đối với học phần 02 tín chỉ và tối thiểu từ 09 nội dung trở lên đối với học phần từ 03 tín chỉ trở lên.

Điều 8. Các yêu cầu cụ thể khi xây dựng đề thi

1. Đối với đề thi tự luận

- Mỗi đề thi gồm 3 câu hoặc 2 câu thể hiện mức độ theo thang Bloom trong Điều 6: Mỗi câu hỏi được cho điểm cụ thể; giá trị điểm mỗi câu không vượt quá 50% tổng số điểm (10 điểm) trong mỗi đề thi.

- Thời gian làm bài: 60 phút đối với học phần 02 tín chỉ, 90 phút đối với các học phần có từ 03 tín chỉ trở lên.

- Đáp án và thang điểm chi tiết cho từng câu hỏi (chi tiết đến 0,25 điểm đối với môn khoa học tự nhiên và chi tiết đến 0,5 điểm đối với môn khoa học xã hội), đảm bảo tính chính xác và phù hợp với đề cương học phần.

- Tổng số điểm của một đề thi là 10 điểm.

2. Đối với đề thi trắc nghiệm khách quan

- Thời gian làm bài: 45 phút đối với các học phần có 02 tín chỉ, 60 phút đối với các học phần 03 tín chỉ trở lên.

- Mỗi mã đề thi gồm 40 câu hỏi trắc nghiệm khách quan đảm bảo tính chính xác phù hợp với đề cương chi tiết học phần và đảm bảo mỗi câu 0,25 điểm.

- Bộ môn xây dựng ma trận đề thi cho từng học phần, thống nhất loại câu hỏi trắc nghiệm (câu nhiều lựa chọn, đúng/sai, ghép đôi, điền khuyết...).

- Tổng số điểm của một đề thi là 10 điểm.

3. Đối với đề thi vấn đáp

- Mỗi đề thi gồm 2 hoặc 3 câu hỏi thể hiện mức độ theo thang Bloom trong Điều 6, mỗi câu hỏi được cho điểm cụ thể; giá trị điểm mỗi câu không vượt quá 50% tổng số điểm (10 điểm) trong mỗi đề thi, các đề thi không trùng lặp nội dung và tương đương với nhau về mức độ.

- Tổng số điểm của một đề thi là 10 điểm

4. Đối với đề thi thực hành

- Giảng viên ra đề nêu rõ cách thức và tiêu chí đánh giá cho bài thi thực hành của từng học phần phù hợp với đề cương chi tiết của học phần.

- Khoa, Bộ môn thảo luận và thông qua bộ tiêu chí; đảm bảo tính chính xác và phù hợp với đề cương học phần, có đáp án kèm theo nộp cùng với ngân hàng đề thi.

thi lên phòng KT&ĐBCLGD.

- Tổng số điểm của mỗi đề thi là 10 điểm

Điều 9. Tổ hợp câu hỏi thi thành đề thi

1. Các đề thi sẽ được tổ hợp ngẫu nhiên từ ngân hàng câu hỏi thi theo phương án đã duyệt và do trưởng môn phối hợp với phòng KT&ĐBCLGD lựa chọn. Phương án tổ hợp phải chỉ rõ:

- Số lượng câu hỏi trong một đề thi;
- Cách tổ hợp đề thi phải thuận tiện, khách quan, các câu hỏi thi phân bố đều

trong các chương.

2. Đề thi được trình bày theo mẫu được quy định tại Điều 5.

Điều 10. Quy trình xây dựng ngân hàng câu hỏi thi, đề thi

Quy trình xây dựng ngân hàng câu hỏi thi/đề thi được thực hiện như sau:

Bước 1: Mỗi năm, vào đầu năm học phòng KT&ĐBCLGD xây dựng kế hoạch về xây dựng ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án trình Lãnh đạo trường phê duyệt và thông báo đến các đơn vị có liên quan;

Bước 2: Khoa/bộ môn rà soát các học phần đào tạo thuộc các ngành đào tạo, thống kê học phần toàn khóa theo ngành; thống kê theo khoa/bộ môn theo năm học/học kỳ.

Bước 3: Các khoa/bộ môn đăng ký các học phần biên soạn ngân hàng câu hỏi thi/đề thi theo kế hoạch của Nhà trường theo học kỳ, năm học nộp về phòng KT&ĐBCLGD (Mẫu_KT 05).

Bước 4: Lãnh đạo trường phê duyệt danh sách các học phần biên soạn ngân hàng câu hỏi thi/đề thi kèm hình thức thi trên cơ sở đề xuất của phòng KT&ĐBCLGD.

Bước 5: Các khoa triển khai cho các bộ môn trực thuộc biên soạn ngân hàng câu hỏi thi/đề thi các học phần thuộc khoa quản lý.

1. Trưởng bộ môn phân công nhóm giảng viên (tối thiểu phải từ 02 giảng viên) thực hiện biên soạn ngân hàng câu hỏi thi/đề thi đáp án cho từng học phần theo quy định (Mẫu_KT 06).

2. Nhóm biên soạn ngân hàng câu hỏi thi/đề thi triển khai thực hiện nhiệm vụ cho các thành viên của nhóm, cụ thể: xây dựng ma trận (Mẫu_KT 08); thống nhất phương án tổ hợp câu hỏi thi thành cơ cấu đề thi; tổ chức biên soạn ngân hàng theo đúng tiến độ thời gian đã được phê duyệt.

Bước 6: Thành lập hội đồng, tổ chức nghiệm thu, phân công giảng viên phản biện các câu hỏi và đáp án trong ngân hàng câu hỏi thi; Trưởng nhóm biên soạn tổ

chức hợp nhóm, thống nhất các nội dung cần sửa chữa, hoàn thiện theo ý kiến của phản biện (Mẫu KT 10 và KT 11).

Bước 7: Trưởng Khoa/bộ môn ký duyệt ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án, hoàn thiện hồ sơ và bàn giao, quản lý, sử dụng ngân hàng câu hỏi về phòng KT&ĐBCLGD theo quy định (Mẫu KT 12).

Điều 11. Quy trình rà soát, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật ngân hàng câu hỏi thi/đề thi

Ngân hàng câu hỏi thi được rà soát, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật và hoàn thiện trong quá trình khai thác và sử dụng. Quy trình rà soát, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật như sau:

1. Ngay sau khi đề cương chi tiết học phần được rà soát, điều chỉnh, các khoa/bộ môn có trách nhiệm rà soát, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án nộp lên phòng KT &ĐBCLGD. Phòng KT &ĐBCLGD có trách nhiệm tổng hợp và trình Lãnh đạo trường phê duyệt.

2. Việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án được thực hiện theo quy trình tương tự như các khoản 4, 5, 6, 7, 8, 9 và Điều 10 Quy định này.

Điều 12. Mã hóa câu hỏi, đặt tên file cho ngân hàng câu hỏi thi/đề thi

1. Mã hóa:

a) Ngân hàng câu hỏi thi được chia thành các nhóm câu hỏi, các câu hỏi thi trong một nhóm câu hỏi phải có cùng trọng số điểm;

b) Các câu hỏi trong ngân hàng câu hỏi được mã hóa theo cấu trúc: Ca-b, trong đó: a là thứ tự nhóm câu hỏi (tương ứng với chuẩn đầu ra học phần trong đề cương chi tiết) theo thứ tự từ 01 đến n; b là thứ tự câu hỏi trong nhóm câu hỏi theo thứ tự từ 01 cho đến n.

2. Đặt tên file: Mỗi ngân hàng câu hỏi thi/đề thi bao gồm 02 file: (1) file chứa ma trận và phương án tổ hợp câu hỏi thi thành đề thi, (2) file chứa các câu hỏi thi/đề thi, đáp án và thang điểm tương ứng với các câu hỏi thi/đề thi, cụ thể như sau:

- File (1): Tên của học phần_Mã HP_PA_MT.
- File (2): Tên của học phần_Mã HP_CH_DA_hình thức thi.

3. Hồ sơ ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án: Hồ sơ ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án nộp về phòng KT&ĐBCLGD bao gồm: (1) Biên bản Hội đồng nghiệm thu; (2) Các nhận xét của người tham gia phản biện ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án; (3) Dữ liệu về ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án (Bản cứng và các file mềm đi kèm); (4) Biên bản bàn giao ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án.

ke

Chương III

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG NGÂN HÀNG ĐỀ THI

Điều 13. Quản lý ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án

1. Quản lý và sử dụng ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án:

a) Hồ sơ ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án sau khi được nghiệm thu được lưu trữ ở bộ môn và phòng KT&ĐBCLGD (bản cứng được ký duyệt và file mềm tương ứng) để phục vụ công tác xây dựng đề thi;

b) Phòng KT&ĐBCLGD quản lý, lưu trữ ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án các học phần đã được nghiệm thu, phê duyệt; tổ chức nhập dữ liệu vào phần mềm quản lý (nếu có); chịu trách nhiệm tính bảo mật ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án.

2. Các khoa/bộ môn có trách nhiệm phối hợp với phòng KT&ĐBCLGD để khai thác, sử dụng hiệu quả ngân hàng câu hỏi thi/đề thi đáp án cho công tác thi kết thúc học phần theo đúng mục đích, đối tượng.

Điều 14. Chế độ bảo mật

1. Ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án của đề thi khi chưa công bố là tài liệu thuộc danh mục bí mật của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh ở mức độ “Tối mật”.

2. Trưởng phòng KT&ĐBCLGD, trưởng các khoa/bộ môn và các cá nhân liên quan biên soạn, biên tập đề thi, câu hỏi thi, nhân bản đề thi thực hiện đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về chế độ bảo mật đề thi.

Điều 15. Cách xử lý trường hợp lộ đề, đề thi có sai sót

1. Việc xử lý trong trường hợp có sai sót về đề thi cần phải tuân theo các quy định sau:

a) Phát hiện đề thi/đáp án có sai sót trước khi tổ chức thi, phòng KT&ĐBCLGD thông báo cho khoa/bộ môn tiến hành chỉnh sửa và cập nhật lại ngân hàng câu hỏi thi;

b) Phát hiện đề thi có sai sót trong khi tổ chức thi, cán bộ coi thi thông báo cho giám sát và thư ký thi, giám sát thông báo lại cho phòng KT&ĐBCLGD để tiến hành thay thế đề bổ sung để tiếp tục tiến hành tổ chức thi không làm gián đoạn quá trình thi. Sau đó sẽ tiến hành như bước trên;

c) Phát hiện đề thi có sai sót sau khi kết thúc buổi thi, phòng KT&ĐBCLGD phối hợp với khoa/bộ môn để tiến hành điều chỉnh thang điểm và đáp án cho hợp lý; nếu có sai sót nghiêm trọng, phòng KT&ĐBCLGD báo cáo đề xin ý kiến chỉ đạo

của Ban Giám hiệu;

d) Trường hợp lộ đề thi/đề thi có sai sót không thuộc các quy định trên, phòng KT&ĐBCLGD báo cáo đề xin ý kiến chỉ đạo của Ban Giám hiệu.

2. Các đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc biên soạn, quản lý và sử dụng ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án thi phải phối hợp để kiểm tra, xác minh nguyên nhân sai/lộ đề thi/câu hỏi thi và tùy theo tính chất, mức độ của vụ việc, Ban Giám hiệu sẽ chỉ đạo giải quyết.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm của các đơn vị và cá nhân trong việc biên soạn, quản lý và sử dụng ngân hàng câu hỏi thi, đề thi

1. Phòng KT&ĐBCLGD:

a) Xây dựng kế hoạch tổ chức biên soạn ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án, trình Lãnh đạo trường phê duyệt vào đầu mỗi năm học, chủ trì tổ chức thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt;

b) Xây dựng biểu mẫu ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án tạo sự thống nhất trong toàn Trường;

c) Quản lý, lưu trữ và sử dụng ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án đảm bảo an toàn, bảo mật, đúng quy chế;

d) Cập nhật nội dung của các ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án (nếu có sự thay đổi) từ khoa/bộ môn;

e) Tiếp nhận ý kiến phản hồi của giảng viên, sinh viên về đề thi trong quá trình tổ chức thi và phối hợp với các đơn vị liên quan để giải quyết kịp thời.

f) Tiếp nhận các biên bản phân công nhiệm vụ cho các thành viên tham gia quy trình biên soạn ngân hàng câu hỏi thi; biên bản làm việc của các tổ; biên bản thẩm định, bàn giao ngân hàng câu hỏi thi và đáp án; soạn thảo hợp đồng và thanh lý hợp đồng biên soạn ngân hàng câu hỏi; phối hợp với các đơn vị khác để hoàn tất thủ tục thanh toán kinh phí (giờ).

2. Các Khoa: Chỉ đạo các bộ môn tổ chức đăng ký, triển khai biên soạn ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án các học phần do đơn vị quản lý.

3. Trách nhiệm của Bộ môn:

a) Đề xuất các học phần biên soạn ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án do bộ môn quản lý khi chương trình đào tạo có sự thay đổi;

b) Triển khai kế hoạch và phân công giảng viên biên soạn và phản biện ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án;

c) Chịu trách nhiệm trước Nhà trường về chất lượng bộ ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án do giảng viên của bộ môn biên soạn;

d) Cập nhật ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án khi có sự thay đổi đề cương chi tiết học phần;

e) Bàn giao sản phẩm ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án cho phòng KT&ĐBCLGD sau khi nghiệm thu.

4. Trách nhiệm của giảng viên:

a) Thực hiện biên soạn ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án khi được phân công theo đúng tiến độ và các yêu cầu theo quy định;

b) Chịu trách nhiệm về tính chính xác, khoa học, công bằng, phù hợp với nội dung, chương trình, chuẩn đầu ra và đối tượng dự thi;

c) Phản biện các câu hỏi và đáp án trong ngân hàng câu hỏi thi/đề thi theo sự phân công của trưởng nhóm biên soạn;

d) Chỉnh sửa, bổ sung ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án theo ý kiến kết luận của trưởng nhóm sau khi tổ chức thảo luận các ý kiến phản biện của các thành viên nhóm.

5. Trách nhiệm của phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế:

Cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến các học phần cho các đơn vị, cá nhân phục vụ xây dựng ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án trong các chương trình đào tạo.

Điều 17. Kinh phí thực hiện

1. Chế độ cho các thành viên trong Hội đồng thẩm định (bao gồm Chủ tịch, phản biện, ủy viên, thư ký), nhập ngân hàng câu hỏi thi/đề thi/ đáp án thi và quản trị trên phần mềm (phòng KT&ĐBCLGD) được tính bằng 50% số tiền so với người biên soạn.

2. Giảng viên tham gia biên soạn ngân hàng câu hỏi/đề thi và đáp án các môn học, học phần được nghiệm thu được tính căn cứ theo Điều 11 mục 11.2 của quy chế chi tiêu nội bộ.

Điều 18. Khen thưởng, kỷ luật

1. Cán bộ tham gia quá trình tổ chức và thực hiện nhiệm vụ biên soạn ngân hàng câu hỏi/đề thi và đáp án; quản lý và sử dụng ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm quy trình bảo mật (bị phát hiện trong khi làm nhiệm vụ hoặc sau khi kỳ thi kết thúc) thì sẽ xử lý kỷ luật theo quy chế thi hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Pháp luật.

2. Cán bộ tham gia quá trình tổ chức và thực hiện nhiệm vụ biên soạn ngân

hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được tôn vinh, giới thiệu từ đơn vị cơ sở sẽ được khen thưởng theo quy định hiện hành về thi đua khen thưởng.

Điều 19. Điều khoản thi hành

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Quy định này đều bãi bỏ.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, các đơn vị, cá nhân phản ánh trực tiếp về phòng KT&ĐBCLGD để trình Hiệu trưởng xem xét, giải quyết.

3. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc, đề xuất góp ý, bổ sung và sửa đổi, các đơn vị có ý kiến bằng văn bản gửi phòng KT&ĐBCLGD, phòng KT&ĐBCLGD báo cáo, tham mưu với Hiệu trưởng để tổ chức xem xét sửa đổi Quy định. / 

Mẫu_KT05 (Đăng ký xây dựng ngân hàng câu hỏi thi/đề thi)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TĐTT BẮC NINH
KHOA/BỘ MÔN:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐĂNG KÝ XÂY DỰNG NGÂN HÀNG CÂU HỎI, ĐỀ THI NĂM HỌC

Kính gửi: - Hiệu trưởng Trường Đại học TĐTT Bắc
Ninh

 - Phòng KT&ĐBCLGD
 - Khoa/bộ môn.....

TT	Tên học phần	Mã HP	Số tiết		Số TC	Hình thức thi	Thời gian thi	Đội trọng
			LT	TH				
1.								
2.								
3.								

Tổng cộng có.....học phần

Bắc Ninh, ngày..... tháng.....năm 20....

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

*Lưu ý:

- Đăng ký chính xác tên học phần/tin chỉ, mã HP theo đúng quy định tên học phần/tin chỉ trong chương trình đào tạo
- Ghi rõ hình thức thi: TL, VD, TNKQ, ...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TĐTT BẮC NINH
KHOA/BỘ MÔN:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢNG PHÂN CÔNG GIẢNG VIÊN
XÂY DỰNG NGÂN HÀNG CÂU HỎI, ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

STT	Họ và tên	Tên học phần	Mã HP	Số TC	Hình thức thi	Thời gian thi (phút)	Số lượng câu hỏi thi/đề thi	Đối tượng
1.								
2.								
3.								
4.								
....								

Ngày

Bắc Ninh, ngày..... tháng.....năm 20....

TRƯỞNG MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu KT 07 (Các cấp độ nhận thức theo thang Bloom)

CÁC MỨC ĐỘ NHẬN THỨC THEO THANG BLOOM

1. Kiến thức (K): K1: Biết/Nhớ; K2: Hiểu; K3: Áp dụng, vận dụng; K4: Phân tích; K5: Đánh giá; K6: Sáng tạo

Mức độ	Nội dung	Ví dụ động từ tiếng Việt
Mức độ 1	Biết, nhớ (Remembering): Có thể nhắc lại các thông tin đã được tiếp nhận trước đó	mô tả, gọi tên, liệt kê, nhận diện, xác định, định nghĩa, trình bày, tường thuật, trích dẫn, nhắc lại, kể lại, tái tạo, mô phỏng
Mức độ 2	Hiểu (Understanding): Nắm được ý nghĩa của thông tin, thể hiện qua khả năng diễn giải, suy diễn, liên hệ, khái quát	giải thích, thảo luận, so sánh, mô tả, nhận định, lựa chọn, tóm tắt, sắp xếp, liên kết, dự đoán, tổng kết, giải mã, làm khác biệt, chuyển đổi, lượng giá, mở rộng, khái quát hóa, minh họa,...
Mức độ 3	Ứng dụng, vận dụng (Applying): Áp dụng thông tin, khái niệm đã biết vào một tình huống, điều kiện mới để giúp giải quyết vấn đề	áp dụng, vận dụng, sử dụng, tính toán, kiểm tra, chứng minh, suy luận, phân biệt, giải quyết vấn đề trong tình huống mới, thay đổi, hoàn tất, phát triển, phát hiện, khai thác, thực hành, thực nghiệm, điều chỉnh, điều khiển, vận hành, tổ chức, tạo ra, lập kế hoạch, xây dựng lịch trình, trình diễn, phác họa, dự đoán ...
Mức độ 4	Phân tích (Analyzing): Chia thông tin thành những phần nhỏ và chỉ ra mối liên hệ của chúng tới tổng thể	so sánh, đối chiếu, kiểm tra, lý giải, phân biệt bản chất, chỉ ra, phân loại, khám phá, thẩm định, kiểm định, bố trí, bóc tách, chia nhỏ, kết nối, suy luận, xác định, chẩn đoán...
Mức độ 5	Đánh giá (Evaluating): Đưa ra nhận định, phán quyết của bản thân đối với thông tin dựa trên các chuNn mực, tiêu chí	thẩm định, khẳng định, biện hộ, đánh giá, xếp hạng, ưu tiên, lựa chọn, quyết định, phán quyết, khuyến cáo, chỉnh sửa, phê chuẩn, dự báo, đề xuất,...
Mức độ 6	Sáng tạo (Creating): Xác lập thông tin, sự vật mới trên cơ sở những thông tin, sự vật đã có	thiết lập, tổng hợp, xây dựng, thiết kế, sáng tác, đề xuất, giả định, sửa đổi, lập kế hoạch, sáng tạo, phát minh, sản xuất, hệ thống hóa...

2. Kỹ năng (S): S1: Bắt chước; S2: Làm được; S3: Làm chính xác; S4: Phối hợp; S5: Làm thuần thục;

Mức độ	Nội dung	Ví dụ động từ Việt
Mức độ 1	Bắt chước (Imitation): thể hiện qua khả năng quan sát và lặp lại một kỹ năng nào đó; quan sát và sao chép	Quan sát, tuân thủ, làm theo, sao chép, bắt chước, nhắc lại, lặp lại, tái tạo, mô phỏng, lựa chọn, nhận thấy, ...

	rập khuôn	
Mức độ 2	Làm được (Manipulation) thể hiện qua khả năng hoàn thành một kỹ năng theo như chỉ dẫn	Làm, thực hiện, thi hành, tái hiện lại, trình diễn,
Mức độ 3	Làm chính xác (Precision) thể hiện khả năng lặp lại chính xác, nhịp nhàng, đúng đắn một kỹ năng, thường thực hiện độc lập không cần phải hướng dẫn	kiểm tra, sáng tác, làm, thực hiện, hoàn thiện, điều khiển, kiểm soát, trình diễn, sử dụng/làm thành thạo, chỉ rõ, phân biệt, xây dựng, tích hợp, phán đoán, lựa chọn, tổng hợp
Mức độ 4	Phối hợp (Articulation) thể hiện khả năng kết hợp được nhiều kỹ năng theo thứ tự chính xác, nhịp nhàng và ổn định	thích ứng, làm quen, phối hợp, thiết lập, xây dựng, sắp xếp, sáng tạo, thiết kế, tích hợp, thay đổi, điều chỉnh, hiệu chỉnh, sản xuất, giải quyết...
Mức độ 5	Làm thuần thục (Naturalization) thể hiện khả năng hoàn thành dễ dàng một hay nhiều kỹ năng và trở thành tự nhiên, không đòi hỏi sự cố gắng về trí lực và thể lực	thiết kế, phát triển, phát minh, hỗ trợ, sửa chữa, trình diễn, hướng dẫn, quản lý, xác định

3. Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm (A): A1: Tiếp nhận; A2: Đáp ứng; A3: Đánh giá; A4: Tổ chức/Thiết lập; A5: Hình thành phẩm chất

Mức độ	Nội dung	Ví dụ động từ tiếng Việt
Mức độ 1	Tiếp nhận (Receiving) thể hiện mức độ cảm giác được sự tồn tại của sự vật, hiện tượng: bằng lòng tiếp nhận	Công nhận, nhận biết, chấp nhận, ý thức được, hỏi, đề ý, mô tả, quan sát, tuân thủ, nhận định, lắng nghe, nhìn nhận...
Mức độ 2	Đáp ứng (Responding) thay đổi hành vi để phản ánh thái độ, chủ động và sẵn lòng tham gia	Hành xử, phản ứng, làm rõ, tuân theo, làm cho đúng, phối hợp, xem xét, dò xét, lựa chọn, giải thích, luyện tập, bày tỏ, thuộc lòng, tán thành, theo đuổi, đóng góp, tình nguyện
Mức độ 3	Đánh giá hoặc Nội tâm hóa (Valuing) thể hiện sự tiếp nhận thông tin, hiểu và tán thành/phản đối giá trị thông tin, có cảm nhận tốt/xấu về thông tin	Thích ứng, cân bằng, phản kháng, phê bình, đối chiếu, so sánh, phân biệt, bảo vệ, biện hộ, thuyết phục, tìm kiếm, thừa nhận, tán thành, đề nghị...
Mức độ 4	Tổ chức hoặc Thiết lập	Thay đổi, điều chỉnh, tổ chức, so sánh, đánh giá, phát triển, tích hợp, sắp xếp, hình thành, thiết

	(Organizing) thể hiện hiệu, so sánh và tổng hợp được giá trị của th ông tin tiếp nhận	lập, kết nối, trung thành, gắn kết
Mức độ 5	Hình thành phẩm chất (Characterizing) thể hiện khả năng tích hợp niềm tin, tư tưởng và thái độ	Thực hiện, biểu lộ, biện hộ, ảnh hưởng, đề xuất, đại diện, kiểu mẫu, xác nhận giá trị, biện giải, thôi thúc, duy trì, gìn giữ, kiên nhẫn, ủng hộ, công hiến, đặc trưng cho tính cách

Mẫu_KT 08 (Ma trận ngân hàng câu hỏi thi/dề thi)

MA TRẬN NGÂN HÀNG CÂU HỎI, ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Mã HP:Học phần:..... Thời gian làm bàiSố tín
chỉ:..... Đối tượng:..... Hình thức thi:.....

(Do giảng viên/bộ môn ra đề lập)

TT	Chương/Nội dung/Chủ đề...	Các chuẩn đầu ra đạt được (liệt kê các chuẩn đầu ra được đề xuất thi kết thúc học phần trong đề cương)	Số lượng câu hỏi theo mức độ (Các mức độ nhận thức theo thang blom)				Tổng số câu
			Nhóm câu hỏi đáp ứng (CLO... (Kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm)		Nhóm câu hỏi đáp ứng (CLO...)		
			Số câu	Trọng số điểm của nhóm câu đáp ứng CLO..	Số câu	Trọng số điểm của nhóm câu đáp ứng CLO	
	Chương 1/Chủ đề 1.....	CLO...	...	..	..	...	
		CLO...				..	
	Tổng						

TRƯỜNG MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG NHÓM/GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu_KT 01

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TĐT
BẮC NINH
KHOA/BỘ MÔN:.....

NGÂN HÀNG CÂU HỎI TỰ LUẬN, VẤN ĐÁP....

Tên học phần:.....Số tín chỉ:.....

Mã HP:.....Đối tượng:.....

Hình thức thi:.....Thời gian thi:.....

Ca-b	Nội dung câu hỏi	Đáp án	Thang điểm
	Nhóm câu hỏi đáp ứng (CLO...) (Được biên soạn từ các chương/chủ đề.....)		
Ca-b	Nội dung câu hỏi (Hình ảnh nếu có)		
			
			
	Nhóm câu hỏi đáp ứng (CLO...)		
Ca-b	Nội dung câu hỏi (Hình ảnh nếu có)		
			
			
	Nhóm câu hỏi đáp ứng (CLO...)		
Ca-b	Nội dung câu hỏi (Hình ảnh nếu có)		
			
			

HẾT

Phương án tổ hợp câu hỏi thành đề thi:

TT	Nội dung phương án tổ hợp
1	Ví dụ: Đề thi gồm 3 câu, mỗi nhóm 1 câu, trong đó nhóm câu CLO.. là câu 1, nhóm CLO... là câu 2....

Khoa/Bộ môn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Bộ môn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giảng viên/Nhóm biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu_KT 02

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TĐTT
BẮC NINH
KHOA/BỘ MÔN:.....

NGÂN HÀNG CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM
Tên học phần:..... Số tín chỉ:.....
Mã HP:.....Đối tượng:.....
Hình thức thi:.....Thời gian thi:.....

TT	Nội dung câu hỏi	Đáp án	Thang điểm
Nhóm câu hỏi đáp ứng CLO... (Được biên soạn từ các chương/chủ đề.....)			
Ca-b	Nội dung câu hỏi (Hình ảnh nếu có)		B
	A		
	B		
	C		
	D		
	Nội dung câu hỏi (Hình ảnh nếu có)		D
	A		
	B		
	C		
	D		
...	...		
Nhóm câu hỏi đáp ứng CLO... (Được biên soạn từ các chương/chủ đề.....)			
Ca-b	Nội dung câu hỏi (Hình ảnh nếu có)		
	A		
	B		
	C		
	D		
...	...		

HẾT

Phương án tổ hợp câu hỏi thành đề thi:

TT	Nội dung phương án tổ hợp
1	Ví dụ: Đề thi gồm 40 câu, nhóm CLO... 10 câu, nhóm CLO ...10 câu, nhóm CLO... 20 câu

Khoa/Bộ môn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Bộ môn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giảng viên/Nhóm biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu_KT 03

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TDTT
BẮC NINH
KHOA/BỘ MÔN:.....

NGÂN HÀNG CÂU HỎI THỰC HÀNH
Tên học phần:..... Số tín chỉ:.....
Mã HP:.....Đối tượng:.....
Hình thức thi:.....Thời gian thi:.....

TT	Nội dung câu hỏi
Nhóm câu hỏi đáp ứng CLO... (Được biên soạn từ các chương/chủ đề.....)	
Ca-b	Nội dung câu hỏi (Hình ảnh nếu có)
Nhóm câu hỏi đáp ứng CLO... (Được biên soạn từ các chương/chủ đề.....)	
Ca-b	Nội dung câu hỏi (Hình ảnh nếu có)
Nhóm câu hỏi đáp ứng CLO... (Được biên soạn từ các chương/chủ đề.....)	
Ca-b	Nội dung câu hỏi (Hình ảnh nếu có)
...	...

HẾT

Tiêu chí cho điểm:

TT	Tiêu chí	Điểm
Nhóm câu hỏi đáp ứng CLO... (Được biên soạn từ các chương/chủ đề.....)		
Ca-b		
Nhóm câu hỏi đáp ứng CLO... (Được biên soạn từ các chương/chủ đề.....)		
Ca-b		
Nhóm câu hỏi đáp ứng CLO... (Được biên soạn từ các chương/chủ đề.....)		
Ca-b		
...	...	

Khoa/Bộ môn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Bộ môn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giảng viên/Nhóm biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu_KT 04

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH
Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục

ĐỀ THI MÔN:.....

Thời gian làm bài:...
(Không tính thời gian chép đề)

Mã học phần.....Tên học phần:.....

Đối tượng thi:..... Số tín chỉ:.....

Hình thức thi:..... (sinh viênsử dụng tài liệu khi làm bài)

Câu 1:.....điểm

Câu 2:.....điểm

.....

HẾT

Cán bộ coi thi không giải thích thắc mắc về nội dung đề thi 

V
O
H

Mẫu_KT 09 Đề xuất hội đồng nghiệm thu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TĐTT
BẮC NINH
KHOA/BỘ MÔN:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT

**Danh sách Hội đồng nghiệm thu ngân hàng câu hỏi thi/đề thi
năm học 20... - 20...**

Tên học phần:.....Ngành:.....Trình độ.....

TT	Họ và tên	Chức vụ/ Chức danh	Nhiệm vụ	Ghi chú
1.			Chủ tịch HĐ	
2.			Ủy viên	
3.			Ủy viên	
4.			Ủy viên	
5.			Thư ký	

Danh sách này có người

TRƯỞNG KHOA/TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu_KT 10 Biên bản nhận xét, đánh giá NHCH

BỘ VH,TT&DL

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TĐTT

BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**BẢN NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ NGÂN HÀNG CÂU HỎI THI, ĐỀ THI
KẾT THÚC HỌC PHẦN**

Tên học phần:

Số tín chỉ:

Hình thức thi:

Ngành: Trình độ:

Giảng viên ra đề và hướng dẫn chấm:

Giảng viên nhận xét:

NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

1. Hình thức trình bày:

.....
.....
.....
.....
.....

2. Yêu cầu về chuyên môn đối với việc biên soạn ngân hàng câu hỏi thi, đề thi kết thúc học phần:

.....
.....
.....
.....

- Một số ý kiến khác (nếu có):

3. Đề xuất chỉnh sửa:

.....
.....
.....
.....

Handwritten signature

4. Đánh giá chung:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bắc Ninh, ngày ...tháng...năm 20.... *Kes*

Người phản biện

(Ký và ghi rõ họ tên, học vị nếu có)

Mẫu_KT 11 Biên bản nghiệm thu NHCH

BỘ VH,TT&DL
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TĐTT
BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Nghiệm thu ngân hàng câu hỏi thi/đề thi kết thúc học phần

Học phần:.....

Áp dụng từ khóa....., học kỳ....., năm học.....

I. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM, THÀNH PHẦN

1. Địa điểm:

2. Thời gian:.....

3. Thành phần:

Chủ trì hội nghị:.....

Thư ký:

Phản biện:.....

Ủy viên:.....

Người biên soạn:

II. NỘI DUNG

.....
.....
.....
.....
.....
.....

III. KẾT LUẬN

.....

CHỦ TRÌ HỘI NGHỊ

(Ký và ghi rõ họ tên, học vị nếu có)

THƯ KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên, học vị nếu có)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TĐTT BẮC NINH
KHOA/BỘ MÔN:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày.... thángnăm 20....

BIÊN BẢN GIAO NGÂN HÀNG CÂU HỎI VÀ ĐÁP ÁN

Khoa/bộ môn: đã bàn giao cho phòng KT&ĐBCLGD gồm:

STT	Ngân hàng câu hỏi TL/ câu hỏi TNKQ và đáp án	Mã HP	SL câu hỏi/đáp án	Số TC	HT thi (TL, TNKQ)	Văn bản in			File dữ liệu			Ghi chú
						Câu hỏi	Đáp án	Ma trận, ...	Câu hỏi	Đáp án	Ma trận, ...	
1.												
2.												
3.												
4.												
5.												
...												

NGƯỜI GIAO
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI NHẬN
(Ký và ghi rõ họ tên)